TRƯỜNG CĐSP LẠNG SƠN

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH 2017

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN HỆ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY - ĐỢT 1 NĂM 2017
(DỮ LIỆU TỪ HỆ THỐNG THI THPT QUỐC GIA)

(Kèm theo Thông báo số 35/TB-CĐSP-HĐTS ngày 01/8/2017 của trường CĐSP Lạng Sơn)

TT	SBD	CMND	Họ Tên	Mã ngành	Tên Ngành	Mã tổ hợp	Tên tổ hợp	NV	Điểm TT
1	10008245	082341652	HOÀNG THỊ MAI	51140201	Giáo dục Mầm non	M00	Toán, Ngữ văn, Năng khiếu	2	27.50
2	10000278	082309944	TRỊNH THỊ MINH	51140201	Giáo dục Mầm non	M02	Ngữ văn, Lịch sử, Năng khiếu	1	24.50
3	10001590	082341293	VƯƠNG THỊ HƯỜNG	51140201	Giáo dục Mầm non	M02	Ngữ văn, Lịch sử, Năng khiếu	1	24.50
4	10002082	082344544	HOÀNG THU HƯỜNG	51140201	Giáo dục Mầm non	M02	Ngữ văn, Lịch sử, Năng khiếu	1	24.50
5	10002999	082361572	VŨ HUYỀN TRANG	51140201	Giáo dục Mầm non	M02	Ngữ văn, Lịch sử, Năng khiếu	2	24.25
6	10003184	082295872	NGUYỄN THỊ LINH	51140201	Giáo dục Mầm non	M00	Toán, Ngữ văn, Năng khiếu	1	23.75
7	10004773	082347230	LÊ THỊ TUYẾT	51140201	Giáo dục Mầm non	M00	Toán, Ngữ văn, Năng khiếu	1	23.75
8	10007391	082359003	PHẠM THỊ HỒNG NGÁT	51140201	Giáo dục Mầm non	M02	Ngữ văn, Lịch sử, Năng khiếu	1	23.75
9	10004575	082319617	NÔNG THỊ NGỌC MINH	51140201	Giáo dục Mầm non	M00	Toán, Ngữ văn, Năng khiếu	2	23.50
10	10001081	082355684	LÝ THỊ THẮM	51140201	Giáo dục Mầm non	M01	Ngữ văn, tiếng Anh, Năng khiếu	3	23.25
11	10003121	082364079	VY THỊ HƯƠNG GIANG	51140201	Giáo dục Mầm non	M02	Ngữ văn, Lịch sử, Năng khiếu	2	23.00
12	10001191	082323975	LÃ THANH TUYẾT	51140201	Giáo dục Mầm non	M00	Toán, Ngữ văn, Năng khiếu	2	22.75
13	10003605	082349572	NÔNG THỊ NGỌC LAN	51140201	Giáo dục Mầm non	M02	Ngữ văn, Lịch sử, Năng khiếu	4	22.75
14	10001713	082346502	HOÀNG THỊ NHÂM	51140201	Giáo dục Mầm non	M00	Toán, Ngữ văn, Năng khiếu	1	22.25
15	10003478	082362428	ĐẶNG THỊ HẬU	51140201	Giáo dục Mầm non	M00	Toán, Ngữ văn, Năng khiếu	2	22.25
16	10006247	082348982	VI THỊ HIỀN	51140201	Giáo dục Mầm non	M00	Toán, Ngữ văn, Năng khiếu	1	22.25
17	10003450	082349966	ĐINH THU HÀ	51140201	Giáo dục Mầm non	M00	Toán, Ngữ văn, Năng khiếu	1	22.00
18	10003790	082344521	NÔNG THỊ THOA	51140201	Giáo dục Mầm non	M02	Ngữ văn, Lịch sử, Năng khiếu	1	21.75
19	10007115	082369199	LƯƠNG THỊ THU HẠNH	51140201	Giáo dục Mầm non	M00	Toán, Ngữ văn, Năng khiếu	1	21.50
20	10001128	082355295	NÔNG HƯƠNG TRÀ	51140201	Giáo dục Mầm non	M00	Toán, Ngữ văn, Năng khiếu	2	21.25
21	10001021	082331078	LÊ THỊ SAO	51140201	Giáo dục Mầm non	M00	Toán, Ngữ văn, Năng khiếu	4	21.00
22	10005154	082330517	HOÀNG HÀ LỄ	51140201	Giáo dục Mầm non	M00	Toán, Ngữ văn, Năng khiếu	1	20.75
23	10003228	082336532	NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG	51140201	Giáo dục Mầm non	M01	Ngữ văn, tiếng Anh, Năng khiếu	3	20.50
24	10008823	082327099	HOÀNG THỊ BẢO THƯ	51140201	Giáo dục Mầm non	M00	Toán, Ngữ văn, Năng khiếu	1	20.25
25	10000528	082355926	HOÀNG THỊ MAI HỒNG	51140201	Giáo dục Mầm non	M00	Toán, Ngữ văn, Năng khiếu	1	20.00
26	10003660	082318396	HÀ THỊ KIM MAI	51140201	Giáo dục Mầm non	M00	Toán, Ngữ văn, Năng khiếu	2	19.75
27	10005109	082330546	NGÔ HỒNG HUYỀN	51140201	Giáo dục Mầm non	M00	Toán, Ngữ văn, Năng khiếu	1	18.50
28	10003844	082349975	HOÀNG KIỀU TRINH	51140202	Giáo dục Tiểu học	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	1	26.00
29	10002609	082342187	HOÀNG THỊ THIỆN	51140202	Giáo dục Tiểu học	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	1	25.50

TT	SBD	CMND	Họ Tên	Mã ngành	Tên Ngành	Mã tổ hợp	Tên tổ hợp	NV	Điểm TT
30	10002145	082326114	ÔN THỊ OANH	51140202	Giáo dục Tiểu học	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	2	25.25
31	10002441	082342188	HOÀNG BÉ LAN	51140202	Giáo dục Tiểu học	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	1	23.50
32	10002991	082322903	HÀ THỊ THƯỞNG	51140202	Giáo dục Tiểu học	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	1	23.50
33	10003019	082361151	BẾ THỊ VIÊN	51140202	Giáo dục Tiểu học	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	2	23.50
34	10004114	082344262	LỤC THỊ NGỌC	51140202	Giáo dục Tiểu học	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	2	23.50
35	10006232	082337812	HOÀNG THỊ HẰNG	51140202	Giáo dục Tiểu học	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	2	23.50
36	10004128	082344206	LÔ HỒNG NHUNG	51140202	Giáo dục Tiểu học	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	1	23.00
37	10005049	082330614	HOÀNG VĂN HIỀN	51140202	Giáo dục Tiểu học	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	3	23.00
38	10005787	082358665	LƯƠNG XUÂN PHÚC	51140202	Giáo dục Tiểu học	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	1	23.00
39	10008745	082340448	PHẠM NGỌC OANH	51140202	Giáo dục Tiểu học	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	1	22.50
40	10003379	082349806	LĂNG MINH ÁNH	51140202	Giáo dục Tiểu học	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	3	22.25
41	10007316	082311936	ĐÀM THỊ LOAN	51140202	Giáo dục Tiểu học	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	2	22.00
42	10005068	082339621	PHÙNG VĂN HÓA	51140202	Giáo dục Tiểu học	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	2	21.25
43	10004089	082310104	BẾ THỊ LY	51140202	Giáo dục Tiểu học	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	2	21.00
44	10004666	082335556	HÀ THỊ THẢO	51140202	Giáo dục Tiểu học	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	1	21.00
45	10008804	082338783	DƯƠNG THỊ THOAN	51140202	Giáo dục Tiểu học	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	1	21.00
46	10001507	082346790	TRƯƠNG THỊ HẠNH	51140202	Giáo dục Tiểu học	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	3	20.75
47	10004970	082330277	NÔNG THỊ DUNG	51140202	Giáo dục Tiểu học	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	1	20.75
48	10004945	082339153	NÔNG THỊ BÉ	51140202	Giáo dục Tiểu học	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	3	20.25
49	10005521	082358364	DƯƠNG THỊ THÙY DIỄM	51140202	Giáo dục Tiểu học	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	5	20.25
50	10006907	082352835	HOÀNG THỊ LỆ THỦY	51140202	Giáo dục Tiểu học	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	1	20.25
51	10006266	082329972	LƯU THỊ HOA	51140202	Giáo dục Tiểu học	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	1	19.75
52	10000044	082316158	HOÀNG THỊ CHÂM	51140202	Giáo dục Tiểu học	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	1	19.50
53	10002632	082332483	HOÀNG THỊ THỦY	51140202	Giáo dục Tiểu học	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	1	19.50
54	10002445	082332923	HOÀNG THỊ LÀNH	51140202	Giáo dục Tiểu học	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	2	19.25
55	10007271	082352984	LĂNG THỊ LAN	51140202	Giáo dục Tiểu học	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	1	19.25
56	10007614	082352222	HOÀNG THỊ THU TRANG	51140202	Giáo dục Tiểu học	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	3	19.25
57	10003882	082349571	NGUYỄN THỊ YẾN	51140202	Giáo dục Tiểu học	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	5	19.00
58	10003150	082315715	BÙI QUỐC HOÀNG	51140202	Giáo dục Tiểu học	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	1	18.50
59	01040700	082310022	HOÀNG DIỆU LINH	51140202	Giáo dục Tiểu học	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	2	17.75
60	10007101	082345741	NGUYỄN THỊ HÀ	51140202	Giáo dục Tiểu học	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	1	17.75
61	01040995	082324761	HOÀNG THỊ THU	51140202	Giáo dục Tiểu học	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	1	17.50
62	10006657	082348777	LỤC THỊ TUYÊN	51140202	Giáo dục Tiểu học	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	1	17.00
63	10002937	082332799	BẾ THỊ NGOAN	51140202	Giáo dục Tiểu học	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	1	16.50
64	10008817	082329685	VI THỊ DIỆU THÙY	51140202	Giáo dục Tiểu học	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	2	14.25
65	10001282	082308153	LÊ MẠNH KIÊN	51140202	Giáo dục Tiểu học	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	2	13.75
66	10005886	082350001	VŨ HOÀI THƯƠNG	51140202	Giáo dục Tiểu học	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	2	13.00

TT	SBD	CMND	Họ Tên	Mã ngành	Tên Ngành	Mã tổ hợp	Tên tổ hợp	NV	Điểm TT
67	10008649	082338769	DƯƠNG VĂN LAM	51140209	Sư phạm Toán học	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	2	16.25
68	10005484	082350010	DƯƠNG ĐÌNH BẮC	51140209	Sư phạm Toán học	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	2	15.50
69	10008847	082327129	HOÀNG NGỌC TRUNG	51140209	Sư phạm Toán học	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	2	15.25
70	10005363	082330434	TRƯƠNG LỆ TUYẾT	51140209	Sư phạm Toán học	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	1	14.75
71	10003170	082336102	PHƯƠNG MỸ KIỀU	51140217	Sư phạm Ngữ văn	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	1	25.75
72	10002330	082342186	TRẦN THỊ EM	51140217	Sư phạm Ngữ văn	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	1	24.75
73	10004174	082344440	MÃ TRUNG THẮNG	51140217	Sư phạm Ngữ văn	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	3	24.50
74	10002325	082342600	VI VĂN ĐỨC	51140217	Sư phạm Ngữ văn	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	1	22.00
75	10001688	082355645	LÝ THỊ NGA	51140217	Sư phạm Ngữ văn	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	2	20.25
76	10000881	082323810	PHẠM LÂM YẾN LINH	51140217	Sư phạm Ngữ văn	D15	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh	1	18.75
77	10004243	082344401	ĐINH THỊ VY	51140231	Sư phạm tiếng Anh	D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	2	26.00
78	10006679	082337362	VI THỊ VƯƠNG	51140231	Sư phạm tiếng Anh	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	2	24.75
79	10001956	082326749	HOÀNG THỊ KIM XUNG	51140231	Sư phạm tiếng Anh	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	4	19.75
80	10003425	082362444	TRẦN ĐỨC DƯƠNG	51140231	Sư phạm tiếng Anh	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	1	19.75